

2. TU DƯỠNG PHẦN GỐC RỄ

Lộ trình tu-tập tâm linh được chỉ dạy bởi Đức Phật là một tiến trình kép của “sự tự chuyển-hóa” (chuyển dạng) và “sự tự vượt-thoát” (siêu thoát) đưa đến kết quả là sự giải-thoát hoàn toàn khỏi sự khổ đau. Tiến trình “tự chuyển hóa” liên quan đến sự loại bỏ những khuynh-hướng bất thiện của tâm và thay thế chúng bằng những khuynh-hướng thanh tịnh dẫn tới sự lợi lạc cho mình và cho người; còn tiến trình “tự vượt-thoát” thì tập trung vào sự trừ bỏ những quan-niệm mang tính ‘có bản-ngã’ (ngã kiến, thân kiến) bằng cách nhìn thấy được bằng trí-tuệ trực tiếp cái bản chất vô tự-tính (vô bản thể, vô hồn cốt, vô ngã) của những tiến-trình thuộc thân và thuộc tâm mà chúng ta cứ gọi lầm chúng là cái ‘Ta’ hay cái ‘của-ta’. Khi tiến trình kép này được thực hiện đi đến đỉnh cao của nó thì chung cuộc của nó là sự khổ được dập tắt, bởi vì với sự tỉnh thức của trí-tuệ thì căn nguyên gốc rễ của sự khổ đau—chính là dục-vọng (tham ái) được bảo bọc bởi sự vô-minh mù quáng—sẽ tan biến không bao giờ khởi lại.

Bởi vì những khuynh-hướng (căn cơ, tính khí) bất thiện và sự dính-chấp (thủ) ích kỷ bung lên từ những hạt giống (chủng tử) đã được chôn sâu dưới lớp đáy của tâm, cho nên để tẩy sạch những nguồn tai khổ và bồi dưỡng sự tăng trưởng của ‘sự cách-nhìn đúng đắn về thực-tại’ mang tính giải-thoát, Đức Phật đã trình bày giáo lý của mình dưới hình thức là “*sự tu-tập tiến dần*”. Phật giáo học liên quan với sự tu-tập tiến dần và sự chứng-ngộ tiến dần. Nó không có chuyện bùng một phát có sự tu-thành hay đắc-đạo (không phải đốn-ngộ) mà giống như cây cối hay những sinh vật sống, nó sẽ khai mở một cách hữu cơ, là một chuỗi những giai-đoạn tu trong đó mỗi giai-đoạn là dựa vào giai-đoạn kế trước như một nền-tảng không thể thiếu được và trợ giúp cho sự khởi sinh của giai-đoạn kế sau như hệ quả tự nhiên của nó. Những phần tu chính yếu của “*sự tu-tập tiến dần*” gồm

có 03: sự tu-tập giới-hạnh (giới, *sīla*), sự tu-tập sự định-tâm (định, *samadhi*) và sự tu-tập trí-tuệ (tuệ, *paññā*). Nếu chúng ta so sánh xuyên suốt Phật giáo học với một cây xanh, thì niềm-tin (tín, *saddhā*) có lẽ là hạt-giống bởi vì niềm-tin cung cấp động-lực ban đầu nhờ có nó người ta mới bắt đầu đắm nhận sự tu-tập, và niềm-tin lại nuôi dưỡng sự tu-tập thông qua từng mỗi bước của sự tu-tập. Giới-hạnh (giới) có lẽ là phần gốc-rễ, bởi vì giới-hạnh cung cấp phần nền tảng cho những sự nỗ-lực tu tập tâm linh của chúng ta, giống như phần gốc-rễ cung cấp nền tảng cho cây mọc lên vậy. Sự định-tâm (định) thì như thân cây, biểu tượng của sức mạnh, sự không lung lay dao động, và sự ổn định. Và trí-tuệ (tuệ) thì như những nhánh cành, chúng sẽ đơm những bông hoa là sự giác-ngộ và kết thành những trái quả là sự giải-thoát.

Sức mạnh hay sinh khí của đời sống tâm linh, cũng giống như sức sống sinh khí của cây xanh, là nhờ vào phần gốc-rễ khỏe mạnh. Giống như một cây có phần gốc-rễ yếu ớt và nông cạn thì không thể lớn mạnh lên mà sẽ bị còi cọc, héo úa, cần cỗi; đời sống tâm linh không có gốc-rễ lành mạnh cũng phát triển còi cọc, cần cỗi, không khả năng đơm hoa kết quả cho được. (Phần gốc-rễ chính là phần giới-hạnh). Để cố gắng đạt tới những tầng [cấp, trình độ, sự chứng đắc] chứng-ngộ cao hơn của con-đường [đạo] thì điều cốt lõi ngay từ đầu là phải nuôi dưỡng phần gốc-rễ tốt và chánh đúng của con-đường; nếu không thì kết quả sẽ là sự thất vọng, sự vỡ mộng và thậm chí là sự nguy-hại. Phần gốc-rễ của đạo chính là những thành-phần của giới-hạnh. Đây là cơ-sở căn bản trợ giúp cho sự thiền-tập, là nền-tảng của tất cả trí-tuệ và sự thành-tựu.

Tuy nhiên, khi nói “phần giới-hạnh là điều-kiện tiên quyết cho sự thành công” thì điều đó không có nghĩa rằng một người tu không thể bắt đầu thiền-tập nếu chưa hoàn thiện phần giới-hạnh [như một số nhánh phái Phật giáo bảo thủ ngày xưa đã cố chấp như vậy]. Sự cố chấp hay quy định như vậy là bất khả thi đối với những người tu

thiền, bởi vì chính sự chánh-niệm, sự định-tâm và trí-tuệ trong tiến trình thiền-tập mang lại “sự thanh-lọc tiến dần” của giới-hạnh. (Thiền-tập cũng là một trong những sự thực hành giúp thanh lọc giới-hạnh của người tu). Nhưng khi nói “phần *giới-hạnh* là căn-bản của sự tu-tập” thì có nghĩa rằng khả năng để thành công thành tựu trong thiền-tập phụ thuộc vào sự thanh-lọc của *giới-hạnh*. (Không có chuyện một người tu không giữ giới, thiếu giới-hạnh hay thậm chí thất đức mà có thể thiền chứng ngộ chứng đắc gì gì cả). Nếu phần gốc-rễ là *giới-hạnh* bị yếu, thì sự thiền-tập của người tu cũng yếu theo. Nếu những hành-động của chúng ta thường xuyên mâu thuẫn với sự chánh-hạnh (đức hạnh chánh đúng, hành vi chánh đúng) thì cái ‘sự cố gắng điều phục cái tâm’ trong môn thiền-học sẽ trở thành một công việc ‘tự đánh bại mình’ mà thôi, bởi vì sự phát khởi của những hành-vi của chúng ta sẽ giống như những trạng thái bị ô nhiễm của tâm mà sự thiền-tập muốn loại bỏ (vì loại bỏ chúng là công việc và mục tiêu của thiền).

Chỉ khi nào người tu bảo đảm sự tu-tập dựa trên nền-tảng là những nguyên-tắc đúng đắn phi tội lỗi của hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) thì sự cố gắng thiền-tập về nội tâm mới phát triển và đưa đến thành công. Với những nguyên-tắc chân thực về đức-hạnh (hành vi) thì phần ‘gốc-rễ’ là *giới-hạnh* (giới) sẽ cung cấp sự sinh trưởng của phần ‘thân cây’ là *sự định-tâm* (định); rồi cái tâm đạt-định sẽ phát sinh ‘những cành nhánh’ là *trí-tuệ* (tuệ), và những cành nhánh sẽ đơm ‘những bông hoa’ là (những) *sự giác-ngộ* và ‘những trái quả’ là (những) *sự giải-thoát*, dẫn đến đỉnh cao chung cuộc là *sự giải-thoát hoàn toàn* khỏi sự trói-buộc (của vòng luân-hồi). Bởi vậy, cũng như một người làm vườn thiện khéo biết nuôi lớn cây non bằng cách trước tiên nuôi dưỡng phần gốc-rễ, một người nhiệt thành tìm cầu sự giác-ngộ nên bắt đầu sự tu-tập bằng cách tu dưỡng phần gốc-rễ là *giới-hạnh*.

Tiếng Pāli chữ *sīla* nghĩa gốc đơn giản là “*hành-vi*” (hạnh). Nhưng trong ngữ cảnh của sự tu-tập Phật giáo thì thuật ngữ này được

dùng để chỉ riêng loại hành-vi cụ thể, như *hành-vi chánh đúng* (chánh hạnh, đức hạnh), và, bằng cách mở rộng ý nghĩa, đó là loại tính-khí mà chữ '*hành-vi đúng đắn*' đại diện cho nó, như *tính-khí chánh đúng* (chánh đức). Vì vậy chữ *sīla* có mang cả 02 nghĩa là (i) *giới-hạnh* [là một bộ những thói-quen được quản giới bởi những nguyên-tắc về đạo đức (tức *những điều giới-luật*)] và (ii) *đức-hạnh* [là phẩm-chất bên trong là mục tiêu mà sự giữ-giới thường xuyên sẽ tạo ra (tức sự giữ-giới tạo ra những phẩm-chất đạo đức tốt bên trong một người)].

Cả 02 sắc thái ý nghĩa này là cốt lõi cần phải hiểu đủ để hiểu được vai trò vị trí của phần *giới-hạnh* (*sīla*) trong phạm vi của giới-luật Phật giáo. Chữ *sīla* theo nghĩa (i) [*giới-hạnh*] là *sự không vi-phạm [bằng thân và lời-nói]* đối với những điều giới luật căn bản được quy định trong đời sống đạo đức. Đó là giới-luật về đạo đức đối với hành-động và lời-nói, bắt đầu bằng (a) sự kiểm chế những động thái trái đạo đức như những sự tìm kiếm lối ra cho hành-vi của thân và lời-nói, và rồi (b) phát triển chúng thành '*sự tuân-thủ thành thói quen*' theo những nguyên-tắc của hành-vi đúng đắn (những điều giới luật). Nhưng phạm vi của chữ *sīla* không phải chỉ gồm sự kiểm-soát thành thói quen theo nghĩa bên ngoài mà chữ này còn có thêm ý nghĩa sâu hơn, về tâm lý học hơn. Trong nghĩa (ii) này [*đức-hạnh*] chữ *sīla* có nghĩa là *sự trong-sạch về đạo đức*, là sự thanh-lọc bên trong về tính-khí đưa đến kết quả là một đời sống được giữ trong khuôn khổ của những nguyên-tắc đạo đức (những điều giới luật). Phương diện này của chữ *sīla* đặt sự nhấn mạnh vào phía chủ quan chủ động của hành-động. Nó không nhắm vào hành-vi hướng ngoại của nó mà nhắm vào *sự chánh-trực của tâm* từ đó *đức-hạnh* [hành-vi đúng đắn, chánh hạnh] phát sinh. (Tức: nghĩa thứ (ii) của *sīla* là *đức-hạnh*, và *đức-hạnh* thì khởi sinh từ *sự chánh-trực của tâm*).

Khi xem xét chữ *sīla* cho thấy bản thân nó là một phẩm-chất gồm 02 phạm-vi: (i) nó gồm phạm vi bên ngoài (hướng ngoại) là *sự thanh-lọc về hành-vi* và (ii) phạm vi bên trong (hướng nội) là *sự thanh-lọc*

tính-khí. Tuy nhiên, trong Giáo Pháp của Đức Phật, 02 phạm vi hướng ngoại và hướng ngoại này không được tách bạch hẳn hoi thành mỗi phần (xứ) đầy đủ riêng biệt. Thay vì vậy, chúng được nhận biết là 02 mặt của một toàn-thể duy nhất, là 02 trụ cột của một trường hợp nhất trong đó mỗi phương diện là gương soi của phương diện kia, liên quan lẫn nhau, và thâm nhập lẫn nhau bằng những tiềm-năng ảnh hưởng của mỗi bên. Chẳng hạn, theo quan điểm của Phật giáo, những hành-động được làm bởi thân và lời-nói không phải là những phần phụ riêng rời của một bản thể tâm linh riêng biệt, mà là những sự liên hệ cụ thể của những trạng thái của tâm đứng sau chúng là nguồn lực kích hoạt chúng. Và đến lượt mình, những trạng thái của tâm không phải được đóng kín trong một sự cô lập của tâm, mà nó bung tràn ra theo những tình huống từ dòng chảy phun trào của thức là nơi chúng khởi sinh, thông qua các kênh là thân, lời-nói và ý-nghĩ, hóa thành thế giới của những sự kiện quan trọng liên cá nhân. Từ hành-động chúng ta có thể suy ra trạng thái của tâm, và từ trạng thái của tâm chúng ta có thể dự báo được tiến trình có thể xảy ra của hành-động. Mối liên hệ giữa 02 điều này là gắn liền nhau như một bản nhạc và sự trình diễn của ban nhạc trên sân khấu vậy.

Bởi do sự tùy thuộc lẫn nhau này của 02 phần (xứ) này, cho nên hành-vi về đạo đức hướng ngoại (giới-hạnh) và sự thanh-lọc của tính-khí hướng nội (đức-hạnh) gắn bó với nhau trong một sự tương quan vi tế và phức hợp. Sự hoàn thiện về sự thanh-lọc phần “giới-hạnh” đòi hỏi phải thực thi cả 02 phương diện của *sīla*: (i) một phương diện, hành-vi của thân và lời-nói phải được phù hợp đúng với lý tưởng đạo đức; (ii) một phương diện khác, khuynh-hướng của tâm (thói tâm, tâm tính) phải được thanh lọc khỏi những sự hư hỏng suy đồi của nó cho đến khi nó được trong sạch hoàn toàn. Nếu phương diện (i) không có (2) thì không đủ; phương diện (ii) không có (i) là không thể tu thành cho được. Giữa 02 phương diện, phương diện bên trong (hướng nội) là quan trọng hơn theo cách nhìn về sự phát triển tâm linh, vì những

hành-vi của thân và lời-nói cần có được ý nghĩa về mặt đạo đức như một sự thể hiện của một khuynh-hướng tương ứng của tâm. Tuy nhiên theo trình tự của sự tu-tập tâm linh thì giới-hạnh (sự kỷ cương về đạo đức, những điều giới luật) là đến trước. Bởi vì vào lúc bắt đầu sự tu-tập, ‘sự thanh-lọc về tính-khí’ là một lý tưởng được đặt ra để đạt đến; nó chưa là hiện thực, chưa là thành tựu để chúng ta có thể dùng nó để bắt đầu. (Tức là, người mới tu dựa vào căn bản là những điều giới luật để tu tập để đạt tới ‘sự thanh-lọc về tính-khí nội tâm’, vì lúc mới tu người tu chưa có được sự thanh-lọc về nội tâm, bởi vậy mới cần phải tu)

Theo nguyên lý về tính điều-kiện (lý nhân duyên) của Phật giáo, sự hiện-thực hóa bất kỳ một trạng thái nào chỉ có thể làm được thông qua sự hiện-thực hóa những điều-kiện (duyên) đúng đắn của nó, và điều này áp dụng nhiều đối với sự thành tựu những giai đoạn khác nhau cũng như đối với những hiện-tượng trần trụi của thân vật chất và tâm. Bởi vì từ vô thủy ‘sự liên-tục của thức’ đã bị làm suy đồi bởi những căn (gốc rễ) bất thiện là tham, sân, si; chính những ô-nhiễm này đã hoạt động như nguồn gốc cho vô số những ý-nghĩ của chúng ta, là nền của những thói-quen và những sự bung-phát cho những hành-động của chúng ta và những thiên-hướng đối xử với những người khác và với toàn thể thế gian. Để bứng sạch gốc những sự khổ sở đầy ô nhiễm này trong một phát và đạt tới đỉnh cao của sự hoàn thiện tâm linh chỉ bằng một hành-động ý-chí duy nhất là điều hâu như bất khả thi (không thể có sự đốn ngộ bằng ý chí trong một phút chốc). Một hệ thống thực tế của sự tu-tập tâm linh phải làm việc xử lý cho được chất liệu thô của bản tính con người; chứ con đường đạo không thể chỉ biết chỉ ra mấy gương mẫu siêu xuất của con người (ví dụ như những bậc giác-ngộ, những bậc thánh) hay chỉ biết đòi hỏi sự thành tựu (như sự giác-ngộ, sự giải-thoát) mà không chỉ ra phương-pháp để hiện thực hóa sự đòi hỏi hay sự thành tựu siêu xuất đó.

Đức Phật đã đưa ra giáo lý dựa trên những luận thuyết rằng với

phương-pháp đúng đắn thì chúng ta có khả năng thay đổi và chuyển hóa bản thân mình. Chúng ta không bị bắt buộc phải cam chịu gánh nặng bởi đồng những những khuynh-hướng (tính khí, tùy miên) được tích lũy (qua nhiều kiếp), mà thông qua sự nỗ-lực (tinh tấn) chúng ta có thể phá bỏ những khuynh-hướng đó và đạt tới một trạng thái của sự thanh-tịnh và sự tự-do hoàn toàn. Khi được cung cấp những phương-tiện, trong bối cảnh có sự-hiểu đúng đắn (chánh kiến), thì chúng ta có thể mang lại những sự cải đổi căn bản của những hoạt động của thức và tạo được một hình dạng mới cho những thứ dường như bất khả thay đổi trong tâm của chúng ta.

Bước đầu trên con đường đạo là *sự thanh-lọc tính-khí*, và phương tiện hữu hiệu để xây dựng lại tính-khí đã được Đức Phật chỉ ra là *sự tuân-theo giới-hạnh* là một bộ những điều giới luật để quản chế hành-vi của thân và lời-nói. Nói cách khác, *sīla* theo nghĩa là *giới-hạnh* [nguyên tắc về đạo đức, những điều giới luật] trở thành phương-tiện để tạo ra *sīla* theo nghĩa là *đức-hạnh* [sự thanh-lọc tính-khí]. Hiệu quả của lý này xuất phát từ sự liên đan lẫn nhau của phương-diện trải nghiệm bên ngoài và bên trong như đã được nói trên. Bởi vì phần (xứ) hướng ngoại và hướng nội là liên quan lẫn nhau, phần này có thể thành phương-tiện để tạo ra những thay đổi sâu sắc và bền lâu cho phần kia. Giống như một trạng thái của tâm tự nó thể hiện hướng ngoại thành hành-động—hành-vi thân hoặc lời-nói—cũng giống như vậy, sự tránh hay sự làm những hành-động nào đó có thể làm tâm hồi lui tránh bỏ chúng và thay đổi khuynh-hướng căn bản của đời sống tâm trí. Nếu những trạng thái của tâm bị chi phối bởi tham và sân có thể tạo ra những sự-làm như sát-sinh, gian-cấp, nói-dối ... thì theo nguyên lý sự kiêng-cữ những sát-sinh, gian-cấp, nói-dối ... có thể tạo ra một tính-khí của tâm hướng tới sự hiền-từ, sự biết hài-lòng, sự lương-thiện, và sự chân-thật. Vậy là, mặc dù *sīla* theo nghĩa là *đức-hạnh* [sự thanh-lọc tính-khí] có thể không là điểm khởi đầu của sự tu-tập tâm linh, nhưng sự tuân-thủ theo những tiêu-chuẩn đúng đắn của

hành-vi [sự tuân-thủ theo giới-hạnh, sự giữ-giới] có thể giúp người tu đạt được mục tiêu là sự thanh-lọc tính-khí [đức hạnh].

Trung gian làm cầu nối 02 phương diện này của *sīla*, tạo thuận lợi cho việc chuyển hóa hành-vi hướng ngoại thành sự thanh-lọc bên trong, chính là *sự cố-ý* hay *tu* (*cetanā*). Sự cố-ý là một yếu-tố thuộc tâm (tâm sở) phổ biến đối với mọi sự trải nghiệm, là một thứ đồng hành phổ quát của một hành-vi của thức. Nó chính là yếu tố làm cho sự trải nghiệm ‘theo hướng mục đích chủ quan chứ không theo nguyên nhân khách quan’, ví dụ như hướng theo mục tiêu, bởi vì vai trò đặc biệt của nó là hướng những yếu-tố liên kết với nó theo hướng đạt được một mục tiêu nào đó. Phật đã nói: tất cả mọi *ngiệp* (*kamma*) về bản chất là *sự cố-ý* (*tu*), bởi vì bản thân *hành-động* theo nghĩa rốt ráo là sự thể hiện cử *sự cố-ý* thông qua một trong 03 cửa của hành-động [thân, lời-nói, và tâm]: “*Này các Tỳ kheo, chính sự cố-ý (tu) ta gọi là nghiệp. Bởi vì do đã cố-ý, một người thực hiện một hành-động thông qua thân, lời-nói, hoặc tâm.*”

Sự cố-ý quyết định một hành-động là thuộc loại nghiệp gì, và nhờ đó cho biết ý-nghĩa về đạo đức của hành-động đó. (Chẳng hạn sự cố-ý thiện thì hành-động là nghiệp thiện, và ngược lại). Nhưng do sự cố-ý là luôn luôn có mặt trong mọi trạng thái của thức, cho nên trong bản chất của nó không có tính phân-biệt về mặt đạo đức. Sự cố-ý có (tích, thu) được tính phân-biệt về mặt đạo đức từ những yếu-tố thuộc tâm (tâm sở) khác được gọi là những gốc-rễ hay các căn (*múla*), khi liên kết với chúng thì sự cố-ý luôn khởi sinh trong những thời trải-nghiệm chủ động. Những gốc-rễ (các căn) gồm có 02 loại mang tính quyết định về mặt đạo đức: loại bất thiện (*akusala*) và loại thiện (*kusala*). Những gốc-rễ bất thiện là *tham, sân, si*; những gốc-rễ thiện là *không-tham, không-sân, và không-si*. Những gốc rễ thiện, mặc dù được diễn tả ở dạng phủ định, không chỉ biểu thị sự ‘không-có’ hay sự ‘vắng-mặt’ của những yếu-tố ô nhiễm mà còn biểu thị sự ‘có-mặt’ của những phẩm-chất đạo đức tích cực; theo thứ tự *sự rộng-lòng* (bố-thí),

sự thương-mến hiền-từ (tâm-từ), và *sự trí-khôn* (trí-tuệ) là những sự thể hiện tương ứng của *vô-tham*, *vô-sân*, và *vô-si*.

Khi *sự cố-ý* (tư, tâm tư) bị dẫn dắt bởi những góc-rẽ bất thiện là tham, sân, si thì nó bùng phát thông qua các cửa là thân và lời-nói thành những dạng hành-vi bất thiện xấu ác—như sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, nói lời mắng-chửi, nói lời gắt-gông nạt nộ, nói lời vô-ích tầm phàm tán dóc. Theo cách này thì thế giới bên trong của sự ô-nhiễm của tâm làm tối đen thế giới bên ngoài của không gian và thời gian. (Tâm ô nhiễm tạo những hành-động ô nhiễm; tâm tối thì nghiệp tối). Nhưng xu-hướng bị ô nhiễm của sự chuyển động thuộc sự cố-ý (tư hoạt, tư tác) cho dù rất mạnh, khó tu sửa nhưng không có nghĩa là không thể tu sửa hay không thể cải chính được. *Sự cố-ý* hay *tâm-tư* bất thiện có thể được thay thế bằng *sự cố-ý* hay *tâm-tư* thiện lành, và nhờ đó toàn bộ khuynh-hướng (căn cơ, thói tâm, tập khí, tùy miên) của đời sống tâm linh có thể được đảo ngược từ góc gác của nó từ bất thiện thành thiện. Sự đảo-hướng này của *sự cố-ý* (tư) được kích hoạt bằng việc tự nguyện đảm nhận sự tuân-thủ theo những nguyên-tắc về hành-vi đạo đức [tức *giới-hạnh*, những điều giới luật] theo một trình tự chánh đúng—bằng cách quyết tâm kiên-cử những điều xấu ác và thực hành những điều tốt thiện. Rồi thì, khi sự cố-ý nào có xu hướng bùng phát thành một hành-động xấu ác (nghiệp xấu) được kiềm chế và được thay thế bằng sự cố-ý có xu hướng ngược lại, nhờ ý-chí hành xử một cách có đạo đức bằng lời-nói và thân, thì một tiến-trình của ý-chí đảo ngược tâm-tư bất thiện thành thiện sẽ được bắt đầu; và nếu tu tập theo đó sẽ có khả năng tạo ra những sự cải-đổi sâu rộng tiến xa về mức độ của “tính-khí đạo đức” [*đức hạnh*]. Bởi vì những hành-vi của sự cố-ý (tư) không dùng hết lực của nó trong sự vận hành tức thời của nó mà nó dội lại vào dòng tâm thức đã sản sinh ra chúng, rồi chuyển hướng dòng chảy đó theo hướng chúng đi theo ‘khuynh-hướng cố hữu nội tại’ của chúng: chẳng hạn, những sự cố-ý bất thiện hướng tới sự sa-đọa về đạo đức và những sự

cố-ý thiện hướng tới sự thanh-lọc về đạo đức. Bởi vậy, mỗi lần một sự cố-ý bất thiện được thay thế bởi sự cố-ý thiện thì ý-chí hướng thiện sẽ được tăng cường.

Một tiến trình thay-thế các yếu-tố [tức sự thay thế sự cố-ý, sự cải-đổi tâm-tư]—được xây dựng trên quy luật là “những phẩm-chất không tương thích nhau thì không thể đồng lúc có mặt trong một thời-khắc của sự trải-nghiệm” (ví dụ không có sự sân và từ bi cùng có mặt trong cùng một thời-khắc của tâm)—sẽ hoàn thành sự chuyển-hóa thông qua tác động hiệu lực của các góc-rễ liên kết (các căn thiện). Ví dụ những *sự cố-ý bất thiện* luôn luôn khởi sinh *trong sự liên kết* với những góc-rễ bất thiện—với *tham*, *sân*, và *si*—cũng giống như vậy những *sự cố-ý thiện* luôn luôn đi chung *những đồng hành* của chúng là những góc-rễ *vô-tham*, *vô-sân*, và *vô-si*. Bởi vì những phẩm-chất đối nghịch không bao giờ đồng thời cùng-có-mặt với nhau, cho nên sự thay-thế một sự cố-ý bất thiện bằng một sự cố-ý thiện trong cùng một lúc có nghĩa là một sự đổi-chỗ của các góc-rễ bất thiện và góc-rễ thiện. Khi được liên tục ‘kêu gọi vào cuộc’ bởi sự sung mãn của sự cố-ý (thiện) thì những góc-rễ thiện sẽ “làm thom mát” dòng chảy tâm thức bằng những phẩm-chất mà chúng đại diện—bằng sự bố-thí, tâm-từ, và trí-tuệ; và những phẩm-chất này, khi đã tích lũy đủ nguồn lực, sẽ đi đến nổi-trội thành những khuynh-hướng thường xuyên của nhân-cách, làm lu mờ đi những khuynh-hướng dẫn tới những điều bất thiện. Theo cách này thì sự thực-hiện những sự cố-ý thiện thường xuyên và tái tục trong mọi thời sẽ tác động tạo ra một sự chuyển-hóa về tính-khí [đức hạnh] từ tình trạng ban đầu vốn ‘dễ bị dính nhiễm tệ hại’ về mặt đạo đức tới tình trạng ‘được thanh lọc’ cao đẹp hơn, ở đó ngay cả sự cảm dỗ làm điều xấu ác cũng được loại bỏ một cách an toàn.

Mặc dù *sự cố-ý* (tư, *cetanā*) là công cụ căn bản để thực hiện sự cải-đổi như mới nói trên, nhưng bản thân cái ý-chí là không mang tính quyết định, và nó đòi hỏi phải có những hướng-dẫn riêng biệt để hướng năng-lượng của nó tới sự hiện-thực hóa những điều thiện. Theo

luận điểm của Phật giáo, chỉ có một “ý-chí thiện” là không đủ, bởi vì cho dù có sự cao cả thánh thiện của ý-định, nhưng sự minh-mẫn của chủ thể bị che mờ bởi sự ngu-mờ (si), thì khả năng sẽ dẫn tới hướng hành-động ngu si hay thậm chí suy đồi. (Ví dụ tâm bồ thí cúng dường là cao cả, nhưng trí thì mê tín, không hiểu biết cách nào là đúng với Giáo Pháp). Điều này đã xảy ra nhiều trong quá khứ. Theo đạo Phật, sự tốt thiện của ý-chí phải được chuyển thành những hướng hành-động thực. Nó phải được quản chế bởi những nguyên-tắc về hành-vi đúng đắn [*giới-hạnh*, những điều giới luật].

Để hướng dẫn ý-chí với ý nguyện của nó làm điều tốt thiện, Đức Phật, trong những điều giới luật rõ ràng và dễ hiểu, đã quy định những chi-phần cho sự tu-tập đạo đức cần phải được hoàn thiện để phòng hộ cho tiến trình tu hành dọc theo con-đường [đạo] dẫn tới sự giác-ngộ. Những chi-phần này tạo thành “*nhóm (đồng, uẩn) giới-hạnh*” của Bát Thánh Đạo: gồm chánh-ngữ, chánh-nghiệp, và chánh-mạng. *Chánh-ngữ* [lời-nói đúng đắn chân chính] là sự tránh bỏ tất cả mọi dạng lời-nói nguy hại xấu ác—là sự kiêng-cữ sự nói-dối, sự nói lời gây chia-rẽ, sự nói lời chửi-bới lăng mạ, sự nói lời gắt-gỏng nạt nộ, và sự nói lời vô-ích tầm phào tán dúc. Lời nói của người tâm nguyện tu tập phải luôn luôn đúng sự-thật, dẫn tới hòa-khí, nhẹ-nhàng, và có-ích có ý nghĩa. *Chánh-nghiệp* là chân thẳng cho hành-động bất thiện của thân, bằng cách đưa ra sự kiêng-cữ sự sát-sinh, sự gian-cấp, và sự tà-dâm tà dục; sự tà-dâm đối với một tu sĩ xuất gia có nghĩa là sự không sống độc-thân và sự tà-dâm đối với người tại gia có nghĩa là sự ngoại tình và sự quan hệ tính dục bất chính. Hành-vi của người tâm nguyện tu tập phải luôn luôn là bi-mẫn, chân-thật, và trong-sạch. Và *chánh-mạng* là sự tránh bỏ những nghề nghiệp gây nguy hại và khổ đau cho những chúng sinh khác, chẳng hạn như nghề buôn bán thịt, buôn bán nô lệ, vũ khí, chất độc hại, và rượu bia, ma túy. Sau khi dẹp bỏ những công việc gây hại đó, một đệ tử thánh thiện kiếm sống bằng những việc làm hòa bình và chân chánh.

Những chi phần tu tập này được đưa vào trong Bát Thánh Đạo sẽ ức chế ngăn ngừa những xung động thấp hèn, không thánh thiện và suy đồi của tâm trí con người và đồng thời khuyến khích thúc đẩy những hành vi tốt lành, thánh thiện và thanh tịnh. Về độ sâu, những điều giới luật chạm đến tận những chỗ lõm của tâm, làm mất nguồn lực của sự cố-ý bất thiện và hướng ý-chí theo hướng đạt đến những điều tốt thiện. Về độ rộng, những điều giới luật chạm tới những sự hỗn loạn điên đảo của sự hiện-hữu của xã hội con người và ngăn chặn những làn sóng tranh đua, lợi dụng, tham giữ, bạo lực, và chiến tranh. Về phạm vi tâm lý học, chúng nhắm tới sự lành-mạnh của tâm; về phạm vi xã hội, chúng nhắm tới sự hòa-bình; về phạm vi tâm linh, chúng đóng vai trò là nền-tảng không thể thay thế được cho tất cả những sự tu-tiến cao hơn dọc theo con-đường dẫn tới sự giải-thoát. Khi được thường xuyên đắm nhận và đưa vào thực hành, chúng kiểm soát kiềm chế tất cả những trạng thái tâm có gốc rễ từ tham, sân, và si và khuyến khích phát triển những hành-động bất rễ từ vô-tham, vô-sân, và vô-si, và dẫn dắt tới một đời sống từ-thiện, tâm-từ và trí-tuệ.

Từ điều này cho thấy rằng theo luận điểm của Phật giáo những điều giới luật được quy định về phần đức-hạnh không phải là những điều dư thừa để có một ý-chí thiện mà là những hướng-dẫn cần thiết để có hành-động đúng đắn. Chúng là phần thiết yếu của sự tu-tập, và khi được thi hành bằng nguồn lực của *sự cố-ý* (tư, tâm tư) sẽ trở thành một phương-tiện nền tảng dẫn tới sự thanh-lọc. Đặc biệt trong bối cảnh thiền-tập, những điều giới luật ngăn ngừa sự phát sinh những hành-động ô nhiễm làm hư hỏng mục đích của môn thiền. Bằng cách tuân theo một cách cẩn trọng những điều giới luật đã được quy định về đức-hạnh, chúng ta có thể chắc chắn được rằng (i) chỉ ít chúng ta cũng đang tránh bỏ được những sự biểu hiện thô tế của tham, sân, si, và rằng (ii) chúng ta sẽ không phải đối đầu với những trở-ngại là tội-lỗi, sự lo-âu và bất-an ắt sẽ xảy đến nếu cứ thường xuyên vi-phạm những giới-hạnh về đạo đức.

Nếu chúng ta quay lại sự so sánh Phật giáo học với một cây và coi phần *giới-hạnh* là gốc-rễ của nó, thì những nguyên-tắc về hành-vi đúng đắn [những điều giới luật] trở thành đất trong đó phần gốc-rễ phát triển. Ví như đất chứa những chất liệu dinh dưỡng cần thiết cho cây lớn lên và nở hoa kết quả, những điều giới luật chứa dưỡng chất cho sự thanh-lọc và phần giới-hạnh cần phải có được để phát triển của đời sống tâm linh. Những điều giới luật thể hiện cho đức-hạnh tự nhiên của bậc A-la-hán hoàn thiện. Đối với bậc A-la-hán, đức-hạnh của bậc ấy chảy ra ngoài như một sự thể hiện tự phát của sự thanh-tĩnh bẩm sinh của bậc ấy. Bằng chính phẩm-chất của mình, mọi hành-vi của bậc A-la-hán là không vết nhiễm, không bị dính nhiễm. Bậc A-la-hán không còn theo những đường nghiệp do bị tác động của sự tham-dục, sự ác-ý, sự si-mờ, hay sự sợ-hãi—không còn bị thúc ép để tuân thủ những điều giới luật mà nhờ sự sống của bậc ấy đã được thanh khiết.

Tuy nhiên những người phàm thì chưa được miễn nhiễm khỏi khả năng gây ra những hành-vi thiếu đức hạnh. Bởi vì những gốc-rễ bất thiện vẫn còn bám chắc trong sự tạo-nên cái tâm, cho nên họ thường xuyên dễ bị cám dỗ dẫn tới những vi-phạm về đạo đức. Họ có thể bị dính vào những tội lỗi như sát-sinh (giết thịt động vật ...), gian-cấp (trực tiếp hay gián tiếp ...), tà-dâm, nói-dối, uống rượu bia hay hút chích ...; và nếu không-có điều giới luật nào để ngăn cấm những hành-động như vậy, họ sẽ thường buông lơi mặc kệ dính vào những điều tội lỗi đó. Do vậy, sự cần thiết phải cung cấp cho họ một bộ những nguyên-tắc về đạo đức [tức giới-hạnh, những điều giới luật] được xây dựng trên những trụ cột là trí-tuệ và sự bi-mẫn, nhờ đó họ có thể quản chế những hành-động của mình và làm đúng theo hành-vi thanh tịnh của những Bậc Giải-Thoát.

Một điều giới luật theo cách nhìn của đạo Phật không phải chỉ là một sự ngăn-cấm về hành-vi bên ngoài. Mỗi điều giới luật là một biểu-hiện hữu hình của một thái độ tương ứng của tâm (ví dụ hành vi

tức giận thù ghét là biểu hiện hữu hình thấy được của trạng thái tương ứng của tâm là sân), là một nguyên-lý rằng hành-động cụ thể bên ngoài soi chiếu cho thấy sự trong-sạch bên trong của tâm. Những điều giới luật diễn dịch điều thấy được bên ngoài thành trạng thái không thể thấy được của sự thanh-lọc bên trong (ví dụ hành vi từ thiện của một người có thể diễn dịch cho thấy sự thanh lọc bên trong về phẩm hạnh bổ-thí của người đó). Những điều giới luật giúp chúng ta tiếp cận được bằng cách chuyển hướng thông qua phương tiện thân và lời-nói thành những nguyên tắc cụ thể về hành-vi mà chúng ta có thể áp dụng như những sự hướng-dẫn để hành động. Bằng cách đưa những hành-vi của chúng ta vào sự hòa hợp với những giới luật, chúng ta có thể nuôi dưỡng gốc-rễ của những nỗ lực về tâm linh của chúng ta, của giới-hạnh của chúng ta. Và khi giới-hạnh đã được chắc chắn, những giai đoạn tu tiến sau đó của đạo sẽ tự động mở ra thông qua giáo pháp của đời sống tâm linh, đạt đến đỉnh cao là sự hoàn-thiện về trí-biết và bầu không khí tĩnh lặng của sự giải-thoát. Như Phật đã nói trong bài kinh **AN 10:02**:

(1)–(2) “Này các Tỳ kheo, đối với một người đức-hạnh, hành vi của người đó là có giới-hạnh, thì không cố dụng sự cố-ý (tư) để: ‘Cầu mong sự không hối-tiếc khởi sinh trong tôi’. Đó là lẽ tự nhiên, rằng sự không hối-tiếc sẽ khởi sinh trong một người đức-hạnh, hành vi của người đó là có giới-hạnh.

(3) “Đối với một người không có sự hối-tiếc thì không cần cố dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong niềm-vui khởi sinh trong tôi’. Đó là lẽ tự nhiên, rằng trong một người không có sự hối-tiếc sẽ khởi sinh niềm-vui.

(4) “Đối với người được niềm-vui thì không cần cố dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong sự hoan-hỷ khởi sinh trong tôi’. Đó là lẽ tự nhiên, rằng trong một người có niềm-vui sẽ khởi sinh sự hoan-hỷ (hỷ).

(5) “Đối với người có một cái tâm hoan-hỷ thì không cần cố dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong thân tôi tĩnh-lặng’. Đó là lẽ tự nhiên, rằng

trong một người có tâm hoan-hỷ thì thân sẽ được tĩnh-lặng (khinh an).

(6) Với người được tĩnh-lặng trong thân thì không cần cố dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong tôi cảm thấy sướng’. Đó là lẽ tự nhiên, rằng trong một người được tĩnh-lặng trong thân thì cảm thấy sướng (lạc, thân lạc).

(7) “Với một người cảm giác sướng thì không cần cố dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong tâm tôi đạt-định’. Đó là lẽ tự nhiên, rằng tâm của một người cảm thấy sướng (thân lạc) thì sẽ đạt-định (định).

(8) “Đối với người đạt-định thì không cần cố dụng sự cố-ý để: ‘Mong sao tôi biết và thấy (tri kiến) mọi sự đúng như chúng thực là’. Đó là lẽ tự nhiên, rằng một người đạt-định thì sẽ biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là.

(9) “Đối với người biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là thì không cần cố dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong tôi biết tĩnh-ngộ (không còn mê đắm) và biết chán-bỏ.’ Đó là lẽ tự nhiên, rằng một người biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là sẽ biết tĩnh-ngộ và chán-bỏ.

(10) “Đối với người biết tĩnh-ngộ và biết chán-bỏ thì không cần cố dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong tôi chứng ngộ trí-biết và tầm-nhìn (minh kiến) của sự giải-thoát’. Đó là lẽ tự nhiên, rằng một người biết tĩnh-ngộ và chán-bỏ thì sẽ chứng ngộ trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát.

“Như vậy là, này các Tỳ kheo, (10)–(9) trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát là mục đích và ích lợi của sự tĩnh-ngộ và sự chán-bỏ; (8) sự tĩnh-ngộ và sự chán-bỏ là mục đích và ích lợi của sự biết và sự thấy về mọi sự đúng như chúng thực là; (7) sự biết và sự thấy về mọi sự đúng như chúng thực là mục đích và ích lợi của sự định-tâm; (6) sự định-tâm là mục đích và ích lợi của sự sướng; (5) sự sướng là mục đích và ích lợi của sự tĩnh-lặng (trong thân); (4) sự tĩnh-lặng (trong thân) là mục đích và ích lợi của sự hoan-hỷ; (3) sự hoan-hỷ là mục đích và ích lợi của niềm-vui; (2) niềm-vui là mục đích và ích lợi của sự không bị hối-tiếc; và (1) sự không bị hối-tiếc là mục đích và ích lợi

của sự (giữ, có được) giới-hạnh.

“Như vậy, này các Tỳ kheo, một giai đoạn chảy vào giai đoạn kế tiếp, một giai đoạn đổ đầy giai đoạn kế tiếp, để đi từ bờ bên này tới bờ bên kia.”

[Bài viết “Nuôi Dưỡng Phần Góc Rẽ” trong quyển “Những Bài Viết Về Đạo Đức Học Phật Giáo”, ấn bản Wheel Publications Số 259–260, lần ấn hành đầu tiên 1978.]

(*Tạp chí Lá Bò-Đề số 71; ấn bản đầu 1976*)